

Số: 02/2025/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 14 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm
2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt
động của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về chế độ, chính sách
và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 71/TTr-TTHĐND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chế độ chi
tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ chi tiêu
bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ chi
tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị.**

(Có Quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại
biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban
Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp
thứ hai thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày thông qua
và thay thế các Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2017

của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P. CTHĐND.



Nguyễn Đăng Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 02/2025/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị, bao gồm: Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); Hội đồng nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và không chuyên trách các cấp tỉnh Quảng Trị;

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đối tượng có liên quan tham gia, phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân, thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Các quy định về chế độ, định mức hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm. Các khoản chi thuộc Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo, được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp;

3. Định mức hỗ trợ tại Quy định này là mức chi tối đa. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương, dự toán được giao hàng năm và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định nội dung chi, mức chi phù hợp;

Handwritten signature/initials.

4. Các chế độ chi khác đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Quảng Trị.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xây dựng và hoàn thiện nghị quyết, báo cáo phục vụ tại kỳ họp HĐND

1. Xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật do Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp

Áp dụng theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính hoặc quy định mới của pháp luật sửa đổi, thay thế các quy định nêu trên.

2. Kiểm tra, rà soát, hoàn thiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp xã: 250.000 đồng/ng nghị quyết.

3. Ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp xã: 200.000 đồng/ng nghị quyết.

4. Xây dựng các văn bản phục vụ kỳ họp, bao gồm: Kế hoạch tổ chức kỳ họp, kế hoạch tiếp xúc cử tri; diễn văn khai mạc, bế mạc, biên bản, kết luận kỳ họp; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo giám sát giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; tài liệu tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp; báo cáo tổng hợp thảo luận tổ; tổng hợp chất vấn; chương trình kỳ họp

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định nội dung được hỗ trợ, định mức hỗ trợ nhưng không vượt quá định mức: 200.000 đồng/văn bản.

5. Chi soạn thảo văn bản báo cáo thẩm tra các báo cáo, nghị quyết, đề án trình tại kỳ họp

a) Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra:

- Cấp tỉnh: 750.000 đồng/ng nghị quyết, báo cáo, đề án;
- Cấp xã: 250.000 đồng/ng nghị quyết báo cáo, đề án.



b) Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra: Mức chi bằng 50% mức chi quy định tại điểm a khoản này.

Điều 5. Các chế độ tại kỳ họp HĐND

1. Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu (không áp dụng đối với đại biểu đã được quy định tại khoản 3, Điều 6 Quy định này)

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/kỳ họp;
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/kỳ họp.

Không hỗ trợ đối với đại biểu vắng cả kỳ họp.

2. Chế độ bồi dưỡng tại kỳ họp đối với đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời, công chức, nhân viên phục vụ

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Đại biểu Hội đồng nhân dân họp vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật được hưởng bằng hai lần mức chi quy định tại khoản 2, Điều này.

Không hỗ trợ đối với đại biểu vắng cả kỳ họp.

3. Hỗ trợ đại biểu tham dự kỳ họp tổng kết cuối nhiệm kỳ (nếu có) bằng hai lần mức chi quy định tại khoản 2, Điều này.

4. Chế độ chi cho Chủ tọa kỳ họp, Thư ký kỳ họp

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

5. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí địa điểm ăn, nghỉ của đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời ở xa để đảm bảo an ninh, thuận tiện cho việc tham dự kỳ họp. Chế độ ăn, nghỉ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Chi phục vụ hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Văn phòng

1. Xây dựng nghị quyết cá biệt của Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, nghị quyết ban hành tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/ngợi quyết;
- Cấp xã: 400.000 đồng/ngợi quyết.

2. Kiểm tra, rà soát, hoàn thiện nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/ng nghị quyết;
- Cấp xã: 150.000 đồng/ng nghị quyết.

3. Chi nghiên cứu nghị quyết, đề án trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân (đối với Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Văn phòng)

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/ng nghị quyết, đề án/người;
- Cấp xã: Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ nghiên cứu nghị quyết, đề án trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp nhưng không vượt quá định mức: 70.000 đồng/ng nghị quyết, đề án/người.

4. Xây dựng báo cáo tổng kết, sơ kết hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 6.000.000 đồng/báo cáo tổng kết; 3.000.000 đồng/báo cáo sơ kết.
- Cấp xã: 2.000.000 đồng/báo cáo tổng kết; 1.000.000 đồng/báo cáo sơ kết.

5. Xây dựng báo cáo, văn bản hướng dẫn, thông báo, công văn cho ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân, kết luận phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của cấp trên, tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại hội nghị cấp khu vực trở lên; báo cáo thẩm tra các nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định nội dung được hỗ trợ, định mức hỗ trợ nhưng không vượt quá định mức: 200.000/văn bản.

6. Chi cho các cuộc họp, hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Văn phòng chủ trì tổ chức, bao gồm: Hội nghị, hội thảo lấy ý kiến góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết quy phạm pháp luật; phiên họp thường kỳ hàng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân; các cuộc họp để lấy ý kiến hoặc thông qua các báo cáo giám sát, khảo sát, thẩm tra; các cuộc họp tổng kết, sơ kết, giao ban

a) Hỗ trợ bài tham luận (theo đơn đặt hàng):

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/bài;
- Cấp xã: 200.000 đồng/bài.

b) Hỗ trợ bài phát biểu (chuẩn bị bằng văn bản):

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/bài;
- Cấp xã: 100.000 đồng/bài.

c) Chi bồi dưỡng:



- Người chủ trì:
- + Cấp tỉnh: 200.000/người/buổi;
- + Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên và đại biểu mời dự họp, công chức, nhân viên Văn phòng:
- + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.
- Đối với đại diện cơ quan báo chí, phóng viên báo chí trung ương, địa phương và các bản tin, công/trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh tham dự họp báo do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức, mức chi 300.000 đồng/người/cuộc họp.

7. Chi xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng, năm liên quan hoạt động Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

8. Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/năm;
- Cấp xã: Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức: 1.500.000 đồng/năm.

Điều 7. Chi cho công tác giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân

a) Chi xây dựng văn bản triển khai kế hoạch giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát;
- Cấp xã: 400.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của các đoàn giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát;
- Cấp xã: 800.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát.

c) Chi bồi dưỡng cho thành viên, thư ký, tổ giúp việc đoàn giám sát, khảo sát:

- Người chủ trì:
- + Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên, thư ký, tổ giúp việc:
- + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 80.000 đồng/người/buổi.

d) Hỗ trợ tiền ăn:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

e) Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu, tham gia ý kiến đối với thành viên, thư ký, tổ giúp việc đoàn giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/đợt;
- Cấp xã: 400.000 đồng/người/đợt.

2. Chi cho hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND: Mức chi bằng 50% mức chi tại khoản 1 Điều này.

3. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã: 50.000 đồng/văn bản.

Điều 8. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ cho các điểm tiếp xúc cử tri để trang trí, khánh tiết, hội trường, điện nước, âm thanh, nước uống và một số khoản chi khác

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri;
- Cấp xã: 700.000 đồng/điểm/đợt tiếp xúc trực tiếp.

Mức hỗ trợ trên đã bao gồm chế độ bồi dưỡng cho người chủ trì, thư ký cuộc tiếp xúc cử tri (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã) với mức chi:

- + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp tiếp xúc cử tri qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức khác thì mức chi bằng $\frac{1}{2}$ mức chi tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp tiếp xúc cử tri 02 cấp thì được hưởng theo mức cấp tỉnh.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện khoản chi tiếp xúc cử tri

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/đại biểu/năm;
- Cấp xã: 1.200.000 đồng/đại biểu/năm.

3. Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, nhân viên Văn phòng tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

4. Công chức, nhân viên Văn phòng tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri.

5. Chế độ nghỉ trưa, tối (nếu có): Thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

1. Chi tiếp công dân: Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân chung tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh và tiếp công dân riêng tại Trụ sở tiếp công dân của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo mức chi quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Điều 10. Một số điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân tham gia Hội đồng nhân dân nhiều cấp (cấp tỉnh, cấp xã) thì chỉ được hỗ trợ một mức của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp cao nhất:

1. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ may lễ phục đầu nhiệm kỳ

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/đại biểu;

- Cấp xã: Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ may trang phục của đại biểu Hội đồng nhân dân cho phù hợp nhưng không quá định mức: 3.000.000 đồng/đại biểu.

2. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho đại biểu Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm;

- Cấp xã: 800.000 đồng/đại biểu/năm.

3. Hỗ trợ khai thác, nghiên cứu tài liệu hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách (ngoài tài liệu, sách báo được cấp theo quy định)

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức: 400.000 đồng/người/tháng.

4. Hỗ trợ khai thác, nghiên cứu tài liệu hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân (trừ các trường hợp đã được quy định tại khoản 3 Điều này)

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ công tác phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức: 150.000 đồng/người/tháng.

5. Hỗ trợ đi lại hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ công tác phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức: 150.000 đồng/người/tháng.

6. Căn cứ khả năng ngân sách và nhu cầu thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định cung cấp báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân; thiết bị công nghệ thông tin và các trang thiết bị khác phục vụ công việc.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tính theo ngày thực tế hoạt động (x) hệ số (x) mức lương cơ sở:

- Cấp tỉnh hệ số: 0,14;

- Cấp xã hệ số: 0,10.

Điều 11. Tặng kỷ niệm chương

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp vào quá trình phát triển của Hội đồng nhân dân được xét tặng kỷ niệm chương kèm theo tiền thưởng. Tiền thưởng của cấp nào do cấp đó quyết định, nhưng không quá 500.000 đồng/Kỷ niệm chương. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy chế xét tặng kỷ niệm chương để thực hiện.

Điều 12. Chi tổng kết nhiệm kỳ

Kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ điều kiện ngân sách và nhu cầu thực tế xem xét, quyết định.

Điều 13. Một số chế độ chi khác

1. Chi đón tiếp các đoàn khách Quốc tế; các đoàn lãnh đạo cấp cao; các đoàn khách trong nước do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân đi tham quan, học tập kinh nghiệm và trao đổi kỹ năng hoạt động: Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ điều kiện kinh phí và nhu cầu thực tiễn hàng năm để lập kế hoạch, dự toán cụ thể và phê duyệt thực hiện.

3. Chi trợ cấp hoạt động khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng

- Cấp tỉnh: 730.000 đồng/người/tháng.

- Cấp xã: Căn cứ tình hình ngân sách, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi trợ cấp hoạt động khác hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng trực tiếp tham mưu, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức: 150.000 đồng/người/tháng.

trực tiếp tham mưu, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã cho phù hợp nhưng không vượt quá định mức: 150.000 đồng/người/tháng.

4. Hỗ trợ công chức, người lao động tham gia, phục vụ tổng hợp thảo luận Tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.

5. Chi hỗ trợ Ban biên tập Trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân; hỗ trợ trực đường dây nóng của Hội đồng nhân dân; hợp đồng chuyên gia, luật sư để tư vấn, thẩm định, đánh giá phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân; hỗ trợ nghiên cứu khoa học; Hội nghị giao ban, rút kinh nghiệm Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, tập huấn đại biểu; chi chế độ ăn, nghỉ cho đại biểu khách mời dự các cuộc họp Hội đồng nhân dân, hội nghị, hội thảo; hỗ trợ hoạt động Đoàn Hội thăm Tòa án nhân dân; tặng quà tổng kết nhiệm kỳ, khen thưởng; chi mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân; chi tiếp khách của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; chi hỗ trợ các ngày Tết, lễ; chi hỗ trợ cho các hoạt động văn hoá, thể thao, các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của công chức, người lao động phục vụ trực tiếp hoạt động của Hội đồng nhân dân và chi khác. Căn cứ quy định của nhà nước và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân từng cấp quyết định.

6. Chế độ thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách và một số đối tượng khác nhân dịp Tết, lễ, bao gồm:

- Các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 về Ưu đãi người có công với cách mạng ngày; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, trong phòng chống dịch bệnh; các tập thể đang làm nhiệm vụ trong những ngày Tết, lễ; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội, như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo,...; gia đình quân nhân làm nhiệm vụ nơi biên giới, hải đảo; gia đình đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các vùng đặc biệt khó khăn; hộ nghèo và cá nhân gặp rủi ro do bị bệnh hiểm nghèo, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...

- Hỗ trợ các cơ quan, địa phương tổ chức các lễ hội cấp tỉnh và các lễ hội khác theo chủ trương chung của tỉnh.

Mức chi giá trị quà tặng do Thường trực Hội đồng nhân dân từng cấp quyết định.

7. Thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất, tang chế đối với đại biểu HĐND, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, nhân viên phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân từng cấp quyết định.

8. Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tham mưu, giúp việc và các đối tượng khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (có phân công bằng văn bản của cơ quan chủ quản)

được hỗ trợ bằng mức 70% của đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các nội dung tại khoản 3, Điều 6; điểm c khoản 1 Điều 7; khoản 1, khoản 3 Điều 10 Quy định này.

9. Chế độ sử dụng điện thoại theo Quyết định số 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 của Bộ Tài chính và một số chế độ chi khác từ nguồn kinh phí đặc thù do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật. Việc chi phục vụ các đoàn công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các cá nhân tham gia đoàn công tác do Hội đồng nhân dân cấp triệu tập đảm bảo.

Điều 15. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, của tỉnh và các định mức chi tiêu tại Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện đúng đối tượng, định mức, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp./.

